

Số: /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Thái Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 74/TTr-SLĐTBXH ngày 04/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 31 (ba mươi một) thủ tục hành chính mới ban hành; 26 (hai mươi sáu) thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính mới ban hành thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Lưu: VT, NCKS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, TTHC BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH THÁI BÌNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)***I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ : 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. - 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		lệ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.			
3.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
4.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
5.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày
6.	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	104 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7.	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
8.	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
9.	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH
10.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	<p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương : 204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ			
11.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
12.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
13.	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
14.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
16.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 89 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
17.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	96 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
18.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
19.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
20.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
21.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
22.	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
23.	Hưởng lại chế độ ưu đãi	12 ngày kể từ ngày nhận được đơn theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
24.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trận	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trợ cấp một lần và mai táng: 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định - Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: <ul style="list-style-type: none"> + 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. + 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
25.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	24 ngày kể từ ngày nhận được đơn theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
26.	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	24 ngày kể từ ngày nhận được đơn theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
27.	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	24 ngày kể từ ngày nhận được đơn theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
28.	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	24 ngày kể từ ngày nhận được đơn theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
29.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	10 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	
30.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	09 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
31.	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	15 ngày kể từ ngày nhận được đơn	Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Không	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động <i>(Thủ tục số 1, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</i> Mã số TTHC: 2.000978	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2.	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần <i>(Thủ tục số 2, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</i> Mã số TTHC: 1.002252	
3.	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần <i>(Thủ tục số 3, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</i> Mã số TTHC: 1.002271	
4.	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra <i>(Thủ tục số 4, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</i> Mã số TTHC: 1.004967	
5.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ <i>(Thủ tục số 5, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</i> Mã số TTHC: 1.002305	

6.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác (<i>Thủ tục số 6, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002354	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
7.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (<i>Thủ tục số 7, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002363	
8.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (<i>Thủ tục số 8, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002377	
9.	Thủ tục giám định vết thương còn sót (<i>Thủ tục số 9, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002382	
10.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh (<i>Thủ tục số 10, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002393	
11.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (<i>Thủ tục số 11, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002410	
12.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (<i>Thủ tục số 12, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.003351	

13.	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày (<i>Thủ tục số 13, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002429	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
14.	Thủ tục giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (<i>Thủ tục số 14, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002440	
15.	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng (<i>Thủ tục số 15, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.003423	
16.	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công (<i>Thủ tục số 16, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002449	
17.	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng (<i>Thủ tục số 17, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002487	
18.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (<i>Thủ tục số 18, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.006779	
19.	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng (<i>Thủ tục số 19, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002519	

20.	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ (<i>Thủ tục số 20, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002720	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
21.	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ (<i>Thủ tục số 23, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002741	
22.	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ (<i>Thủ tục số 24, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.002745	
23.	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ (<i>Thủ tục số 27, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.003025	
24.	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình (<i>Thủ tục số 28, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.003042	
25.	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ (<i>Thủ tục số 29, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.003057	
26.	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ (<i>Thủ tục số 30, mục IV, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.003159	